

VỀ CÁCH PHÂN LOẠI CÂU VÔ NHÂN XƯNG TRONG TIẾNG PHÁP

Nguyễn Thị Thu Trang*

Câu vô nhân xưng là một hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng, được sử dụng phổ biến trong tiếng Pháp nhưng thực tế gây khá nhiều khó khăn cho học viên Việt Nam. Thế nhưng, trong các sách ngữ pháp tiếng Pháp, việc phân loại và định nghĩa kiểu câu này không nhất quán, tùy thuộc vào mỗi tác giả. Nhằm giúp người học dễ dàng lĩnh hội kiểu câu này hơn, trong bài nghiên cứu này, chúng tôi sẽ thảo luận về tiêu chí nhận diện “câu vô nhân xưng” và “cấu trúc vô nhân xưng” cũng như cách phân loại các loại câu đó trong tiếng Pháp, từ đó đưa ra những đề xuất cụ thể phù hợp với người học Việt Nam.

Từ khóa: Câu vô nhân xưng; cấu trúc vô nhân xưng; phân loại; nhận diện; đề xuất.

The impersonal phrase, which is a typical linguistic phenomenon and frequently used in the French language, actually causes difficulties for Vietnamese learners. However, in French-language books, the classification and the identification of this type of sentence are inconsistent and vary according to each author. In this study, we will discuss how to identify “impersonal construction” and “impersonal phrase” as well as how to classify the impersonal phrase in French, from which to propose the specific suggestions for Vietnamese learners.

Key words: impersonal phrase; impersonal construction; classification; identification; suggestions.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giống như một số ngôn ngữ Châu Âu khác, câu tiếng Pháp luôn đòi hỏi phải có sự hiện diện của chủ ngữ ngữ pháp để có thể xác định rõ hình thái của động từ trong câu. Chính vì vậy, chúng ta thường gặp các dạng câu có chủ ngữ là “il” nhưng không biểu hiện nghĩa thông thường là “anh ấy”, “nó”, “điều này”. Nói cách khác, đây là một loại chủ ngữ ngữ pháp, trống nghĩa, “chủ ngữ giả” theo cách gọi truyền thống. Loại câu này thường được sử dụng rộng rãi cả trong ngôn ngữ nói lẫn ngôn

ngữ viết và mang những sắc thái nghĩa riêng: có thể diễn đạt nghĩa tình thái, nghĩa chủ động, bị động trong tiếng Pháp. Ngược lại, trong tiếng Việt, một ngôn ngữ không có biến tố và thiên về chủ đề, chủ ngữ ngữ pháp và chủ ngữ ngữ nghĩa luôn trùng khớp với nhau. Đây là một sự khác biệt lớn giữa hai ngôn ngữ Pháp-Việt đòi hỏi cần phải được quan tâm hơn nữa trên nhiều khía cạnh, phục vụ thiết thực cho giảng dạy tiếng Pháp và dịch thuật.

Thực tế giảng dạy cho thấy, nhiều người học tiếng Pháp cảm thấy lúng túng khi dịch các câu vô nhân xưng từ tiếng Pháp sang tiếng Việt và ngược lại, hoặc trong những tình huống giao tiếp thông

* ThS., Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Email: trangphapdhnn@gmail.com

thường họ có xu hướng ít sử dụng câu vô nhân xưng, trừ trường hợp đó là những câu vô nhân xưng có cấu trúc xác định như một quán ngữ. Mặt khác, trong các sách ngữ pháp tiếng Pháp, việc phân loại câu vô nhân xưng thay đổi tùy theo từng tác giả và câu vô nhân xưng thường được phân chia thành “cấu trúc vô nhân xưng” hoặc “câu vô nhân xưng”.

Như vậy, phải chăng những khó khăn mà người học tiếng Pháp gặp phải, ngoài sự ảnh hưởng của thói quen sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, còn ít nhiều bị ảnh hưởng bởi sự phức tạp vốn có của tiếng Pháp khiến cho các nhà ngôn ngữ học đương đại Pháp không đồng quan điểm về cách phân loại? Trong bài viết này, chúng tôi sẽ thảo luận về các tiêu chí nhận diện “câu vô nhân xưng” và “cấu trúc vô nhân xưng” cũng như cách phân loại các loại câu này trong tiếng Pháp, từ đó đưa ra những đề xuất ứng dụng trong giảng dạy tiếng Pháp và dịch thuật.

2. Câu vô nhân xưng trong tiếng Pháp

2.1. Định nghĩa về câu vô nhân xưng

Từ điển Ngôn ngữ học và khoa học ngôn ngữ của Dubois et Al. (Le Dictionnaire de linguistique et des sciences du langage: 1994) đã đưa ra một định nghĩa khá rõ ràng và đầy đủ về câu vô nhân xưng như sau: câu vô nhân xưng được gọi là cấu trúc vô nhân xưng khi danh từ chủ ngữ được thể hiện bằng đại từ trung tính ngôi thứ ba “il” để thay thế cho chủ ngữ thực trong câu được đặt sau động từ. Chẳng hạn như câu “*Il est arrivé un*

malheur” (Đã xảy ra một điều không may) là một cấu trúc vô nhân xưng được chuyển đổi từ câu “*Un malheur est arrivé*” (Một điều không may đã xảy ra). Trong ví dụ này, ngữ động từ “*est arrivé*” (đã xảy ra) có chủ ngữ ngữ pháp (hay chủ ngữ hình thức) là đại từ vô nhân xưng “il” và chủ ngữ ngữ nghĩa (hay chủ ngữ thực) “*un malheur*” (điều không may) được đặt sau ngữ động từ.

Tuy nhiên để hiểu rõ hơn về các đặc tính của câu vô nhân xưng, chúng tôi cho rằng cần phải xem xét định nghĩa của Tomassone (2002:156). Theo tác giả này, câu vô nhân xưng là “những câu có chứa một động từ đã chia, hợp số (cả hợp giống) với đại từ ở ngôi thứ ba “il” và đại từ này không thể hoán đổi với một đại từ ngôi thứ ba khác”. Trong câu, đại từ vô nhân xưng “il” được đặt ở vị trí quen thuộc của chủ ngữ, mang các đặc tính ngữ pháp của chủ ngữ, nhưng không biểu hiện một tác nhân nào, cũng không phải là phần “đề” của câu. Đại từ này trống nghĩa, không có sở chỉ (référent) và cũng không phải là từ thay thế mà đơn giản chỉ là một dấu hiệu ngữ pháp (indice grammatical) trong câu.

Như vậy định nghĩa của Tomassone đã cho chúng ta một cách nhìn toàn diện về câu vô nhân xưng, khái quát đầy đủ vị trí, chức năng, đặc tính ngữ pháp, ngữ nghĩa của chủ ngữ bất định “il”. Chính vì lý do đó, chúng tôi đã lựa chọn định nghĩa này như định nghĩa chính thức về câu vô nhân xưng trong tiếng Pháp để làm cơ sở cho những nghiên cứu sau này.

2.2. Các loại câu vô nhân xưng

Ngữ pháp truyền thống ít chú trọng đến việc nghiên cứu đầy đủ các đặc tính của câu vô nhân xưng khi cho rằng đây không phải là loại câu cơ bản, không bắt buộc vì trong thực tế, người sử dụng cũng có thể lựa chọn các loại câu khác để thay thế cho nó. Chính vì lý do này, cho đến nay chỉ có một số ít tác giả phân tích sâu về câu vô nhân xưng. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ giới thiệu lý thuyết về câu vô nhân xưng của bốn tác giả đương đại Pháp.

2.2.1. Quan điểm của Hervé-D. Béchade (1993)

Béchade phân biệt các động từ chuyên dùng ở dạng vô nhân xưng (*verbe impersonnel par essence*) như *falloir*, *valoir* với các động vô nhân xưng lâm thời (*verbes occasionnellement impersonnels*: động từ vừa dùng được cho cả câu vô nhân xưng và câu nhân xưng). Để tiện cho việc trình bày chúng tôi gọi là “động từ vô nhân xưng thuần túy” và “động từ vô nhân xưng lâm thời”. Những câu có chứa động từ vô nhân xưng lâm thời được gọi là “dạng” (*forme*) hoặc “cấu trúc vô nhân xưng” (*construction*). Trong cả hai trường hợp, các động từ luôn được dùng ở ngôi thứ ba số ít và đứng sau đại từ “il”, trong một số trường hợp có thể đứng sau “ça”, “ce” hoặc “cela”.

Thông thường, các động từ vô nhân xưng thuần túy được dùng để nói về các hiện tượng thời tiết (*il pleut, il vente, il tonne*: mưa, gió, sấm chớp), chỉ có một số động từ mang ý nghĩa trừu tượng (*il faut, il apparaît*: phải, xuất hiện). Trong các

câu này, chủ ngữ “il” trống nghĩa và không chỉ xuất bất kỳ một tác nhân nào (*aucun agent*).

Mặt khác, các động từ vô nhân xưng có thể đứng trước một bổ ngữ (*terme complétif*) hay theo truyền thống còn gọi là “chủ ngữ thực” và vì vậy, yếu tố đứng trước các động từ này được gọi là “chủ ngữ hình thức” hay “chủ ngữ ngữ pháp”. Ví dụ trong câu “*Il pleut de l’horreur, il pleut du vice, il pleut du crime fleurs*” (V.Hugo) (Tạm dịch: *Mưa sợ hãi, mưa đòi bại, mưa tội ác*), “il” là chủ ngữ hình thức còn “l’horreur”, “le vice” và “le crime” là chủ ngữ thực của động từ “pleut”.

Đối với các trường hợp tu từ, một số động từ vô nhân xưng có thể có chủ ngữ là một danh từ riêng, một danh từ chung hoặc trong một số trường hợp đặc biệt được chia với một đại từ khác với ngôi “il”.

Ví dụ:

- *Zeus tonne / Zeus pleut.* (Nicolas Ruwet)

(*Thần Zeus làm sấm/ làm mưa*)

- *Les enfants grandissaient et l’argent pleuvait.* (P.Jardin dẫn theo Béchade)

(*Bọn trẻ lớn lên và tiền vào như nước*)

- *Eau, quand donc pleuvras-tu?* (Baudelaire dẫn theo Béchade)

(*Nước ơi, khi nào ngươi trút xuống?*)

Ngược lại, các động từ và các quán ngữ vô nhân xưng lâm thời được gọi “dạng” hoặc “cấu trúc vô nhân xưng”. Trong trường hợp này, các nội động từ khi được dùng ở thể bị động hoặc phản thân lại trở

thành các ngoại động từ trực tiếp. Những động từ này thường đứng trước một chủ ngữ, danh từ, đại từ, động từ nguyên thể hoặc một mệnh đề bổ ngữ bắt đầu với *que*:

- *Il nous est même arrivé de rester dans l'enceinte de l'aéroport...c'était ridicule.*

(ĐT nguyên mẫu) (Anna Gavalda)

→ *Thậm chí, có lần hai người còn chỉ ở trong khu vực sân bay... Thật là nực cười.* (Nguyễn Thị Ánh Hồng dịch)

- *Il arrive qu'un jour, Yves ne sortit pas.* (François Mauriac) (Mệnh đề bổ ngữ)

→ *Rồi có một ngày, Yves không ra khỏi nhà.* (Dương Linh dịch)

Đối với các quán ngữ được cấu tạo bởi “être + tính từ”, bổ ngữ là một động từ nguyên thể hoặc một mệnh đề theo sau “que”. Ví dụ: *Il est certain, dit oncle Xavier, que Dussol est un brave homme et qui mérite confiance.* (François Mauriac) (Chú Xavier nói: Chắc chắn Dussol là một người dũng cảm và đáng tin.)

Riêng đối với các quán ngữ chỉ hiện tượng thời tiết được cấu tạo bởi “faire + tính từ” như: *il fait beau* (Trời đẹp), *il fait soleil* (Trời nắng) sẽ không có bổ ngữ, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt như “*Il fait bon vivre*”. (Dễ sống)

2.2.2. Phân loại câu vô nhân xưng theo Marleen Van Peteghem

Theo Van Peteghem (Flament-Boistrancourt, 1994), câu vô nhân xưng gắn liền với bốn hiện tượng ngôn ngữ khác nhau và vì vậy được phân thành bốn loại như sau:

Loại thứ nhất bao gồm các động từ hoặc các quán ngữ chỉ hiện tượng thời tiết như: *Il pleut, il neige, il tonne...* (trời mưa, trời có tuyết, trời có sấm) hay *il fait beau, il fait du vent...* (trời đẹp, trời có gió). Các động từ này thường đứng sau đại từ “il”, đóng vai trò chủ ngữ ngữ pháp, nhưng là một yếu tố trống nghĩa.

Loại thứ hai liên quan đến các câu có đại từ “il” đi cùng các động từ (verbe opérateur) có bổ ngữ là một động từ nguyên thể hay một mệnh đề bổ ngữ. Các động từ này có thể thuần túy vô nhân xưng (*falloir*) hoặc lâm thời vô nhân xưng (*sembler, arriver*). Trong trường hợp này, “il” được xem như chủ ngữ hình thức và chủ ngữ thực chính là thành phần đứng sau động từ.

Loại thứ ba bao gồm các câu có cấu trúc “Il + V + SN” (V: động từ, SN: danh ngữ), trong đó danh ngữ thường đứng bên phải động từ, được xem là chủ ngữ thực. Ví dụ như trong câu “*Il arrive des gens*” (Van Peteghem) (Mọi người đến), ngữ danh từ “*des gens*” là chủ ngữ thực của động từ “*arriver*”. Kiểu câu này luôn đi cùng với một số nội động từ diễn tả sự tồn tại hay điều xảy ra.

Loại cuối cùng liên quan đến dạng bị động vô nhân xưng. Loại câu này được chia thành 3 loại: câu bị động thật sự với khách thể trong câu chủ động (objet) đóng vai trò chủ ngữ ngữ pháp trong câu bị động được đặt sau động từ (*Il se commet beaucoup d'injustices: Công lí đã bị vi phạm = có nhiều bất công-* Van

Peteghem); câu bị động giả chứa một ngoại động từ gián tiếp (*Il sera procédé à une enquête: một cuộc điều tra sẽ được tiến hành*) (ibid.) và câu bị động giả chứa một nội động từ (*Il fut dansé: nhảy*). (ibid.)

2.2.3. Các loại cấu trúc vô nhân xưng theo Maingueneau

Maingueneau (1999) phân biệt ba loại cấu trúc vô nhân xưng chính (constructions impersonnelles):

Loại thứ nhất bao gồm các cấu trúc có chứa một động từ đòi hỏi phải có chủ ngữ vô nhân xưng và cũng chính là chủ ngữ thực của động từ. Theo tác giả có hai loại động từ vô nhân xưng:

- Động từ hoặc quán ngữ chỉ thời tiết như: *il pleut, il fait nuit...* (trời mưa, trời tối)

- Động từ có bổ ngữ bắt buộc, đòi hỏi một cụm danh từ, một động từ nguyên mẫu hoặc một mệnh đề bổ ngữ như: *il s'agit, il faut, il semble (que)...* (về việc, cần phải, dường như)

Chủ ngữ “il” trong hai loại động từ nêu trên không đồng nhất với nhau. Đối với các động từ chỉ thời tiết, “il” chỉ “một chủ thể hành động không xác định” (actant indéterminé) trong khi đó nếu trong câu có chứa các động từ bổ ngữ bắt buộc (falloir), “il” là đại từ vô nhân xưng thực sự nhưng không mang bất kỳ một nét nghĩa nào.

Loại thứ hai liên quan đến các cấu trúc vô nhân xưng bị động và phản thân. Các

cấu trúc này tương ứng với các câu bị động và phản thân mang nghĩa bị động ở câu nhân xưng với các đặc điểm sau: chủ ngữ không đứng ở đầu câu và hình thái của động từ luôn được biểu hiện dưới dạng “être + PP” (Être + quá khứ phân từ) hay “se”. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng câu bị động với “se” chỉ “tác nhân chỉ người không xác định” (*agent humain indéterminé*) và tác nhân này không được xem như một tác nhân bổ ngữ (*complément d'agent*). Ví dụ: *Il se dit bien des choses par des gens. (Nhiều điều được mọi người nói đến - Maingueneau)*. Ngược lại, các câu bị động với cấu trúc “être + PP” lại chấp nhận một tác nhân bổ ngữ như trong câu sau: *Il a été dit bien des choses par Paul*. (Ibid.)

Loại thứ ba bao gồm các cấu trúc chứa các loại động từ như sau: nội động từ không dùng với tân ngữ (verbe intransitif inaccusatif - như các động từ *survenir, tomber, sembler*), các động từ inergatif (động từ có thể luân phiên dùng với tư cách là nội động từ hoặc ngoại động từ), ngoại động từ hoặc các tính ngữ. Các cấu trúc này chứa một yếu tố không xác định (*élément non-défini*) đứng bên phải của động từ và được xem là chủ ngữ thực. Ví dụ trong câu “*Il arrive un malheur*” (Ibid.) (*Xảy ra một bất hạnh*), “*un malheur*” là chủ ngữ thực của động từ “*arriver*”.

Đối với các cấu trúc chứa nội động từ inaccusatif, các động từ diễn tả sự chuyển động, sự xuất hiện hay biến mất không có tác nhân rõ ràng và thường được chia với trợ động từ “être”. Các động từ này

thường đứng trước chủ ngữ ngay cả trong một câu trúc nhân xưng, chẳng hạn như “entre un homme” (một người đàn ông bước vào), “survient un élément” (xuất hiện một yếu tố).

Các nội động từ inergatif được dùng với trợ động từ “avoir” có thể được dùng trong câu trúc vô nhân xưng nếu các câu trúc này có chứa các bổ ngữ chỉ hoàn cảnh. Trong câu “il a dormi souvent des soldats ici” (Maingueneau) (Những người lính hay ngủ ở đây), “souvent”, “ici” và thời của động từ được xem là hoàn cảnh.

Các ngoại động từ cũng được dùng trong câu trúc vô nhân xưng với điều kiện: chủ ngữ không xác định, không có bổ ngữ và có các yếu tố chỉ hoàn cảnh. (Il mangeait souvent des ouvriers dans ce café: Các công nhân hay ăn trong quán cà phê này). (Ibid.)

2.2.4. Cách phân loại của Tomassone

Trong công trình “Pour enseigner la grammaire” (Ngữ pháp và giảng dạy ngữ pháp), Tomassone (2002) đề nghị chia câu vô nhân xưng tiếng Pháp thành hai loại cơ bản:

- Loại thứ nhất bao gồm các câu có chứa động từ vô nhân xưng có chủ ngữ là đại từ “il”;
- Loại thứ hai là các câu trúc vô nhân xưng trong đó chủ ngữ là một nhóm từ đứng ngay sau động từ;

Về loại câu sử dụng động từ vô nhân xưng, tác giả chia động từ thành hai loại: động từ luôn đòi hỏi một chủ ngữ vô nhân xưng và động từ có thể dùng với chủ ngữ vô nhân xưng hoặc với chủ ngữ nhân xưng.

Loại động từ thứ nhất bao gồm các động từ chỉ thời tiết luôn đi cùng với đại từ “il” và không bao giờ có bổ ngữ, nhưng có các cụm từ có thể thay đổi vị trí được. Các cụm từ này được xem như các bổ ngữ tự do chỉ hoàn cảnh. Tuy nhiên, trong cách dùng tu từ, các động từ này có thể có các bổ ngữ và có vai trò là chủ ngữ thực của động từ. (Il pleuvait des coups: Những cú đấm trút xuống như mưa- Tomassone)

Cũng như Maingueneau, Tomassone xem các câu như il fait beau, il fait jour là những quán ngữ động từ (locution verbale) do trong câu thiếu các từ hạn định (déterminant) vì vậy chúng giống với các động từ chỉ thời tiết.

Loại thứ hai bao gồm các động từ vô nhân xưng có bổ ngữ bắt buộc, có nghĩa là những động từ có một hoặc nhiều nhóm từ không thể hoán đổi vị trí đi theo sau. Các động từ ở loại thứ hai này bao gồm ba loại sau:

- Các động từ luôn có một động từ nguyên thể hoặc một mệnh đề phụ thuộc theo sau. Các động từ nguyên thể và các mệnh đề này không thể thay thế bằng một đại từ nhân xưng, nhưng đôi khi có thể thay thế bằng một đại từ chỉ định (pronom démonstratif), chẳng hạn như đại từ “cela” trong câu: Il ne s’agit pas de cela (không phải về điều đó).

- Động từ “être” + tính từ như: Il est vrai que, il est bon que, il est possible que... Tùy theo mỗi tính từ mà thức của động từ ở mệnh đề phụ thuộc có thể là thức tường thuật (indicatif) hoặc thức giả định (subjunctif) và bổ ngữ có thể được

thay thế bằng “cela” trong tất cả các trường hợp.

- Các động từ có phần phụ thuộc theo sau có đặc tính của một bổ ngữ. Ví dụ: *Il faudra que tu me montres ce que tu as fait.* (Francois Mauriac) (*Mày phải cho tao xem những gì mày viết-* Dương Linh dịch) → *Il le faut.* (*Phải làm điều đó*). Trong trường hợp này phần phụ thuộc “*tu me montres ce que tu as fait*” là bổ ngữ của động từ vô nhân xưng “*falloir*”. Một số các động từ chỉ chấp nhận một chủ ngữ vô nhân xưng và một số khác còn có thể chấp nhận đồng thời một chủ ngữ nhân xưng như trong ví dụ sau:

Il vaut mieux faire que dire (Alfred de Musset) (*Làm tốt hơn nói*)

Pierre vaut mieux que Jean (Tomassone) (*Pierre không tốt bằng Jean.*)

Đối với các cấu trúc vô nhân xưng, một số động từ có thể dùng cả trong câu nhân xưng lẫn vô nhân xưng. Ví dụ: *il tombe la neige* hay *la neige tombe* (*Tuyết rơi*). Như vậy, vô nhân xưng trở thành một kiểu câu đặc biệt và câu có chứa động từ vô nhân xưng không nhất thiết phải là một câu vô nhân xưng.

Vẫn theo Tomassone, một cấu trúc được gọi là vô nhân xưng nếu cấu trúc đó có các đặc điểm sau đây:

- Thứ nhất, nhóm danh ngữ đóng vai trò chủ ngữ trong câu nhân xưng phải chứa một từ hạn định hoặc một từ chỉ số lượng.

Il arrive un malheur / Un malheur arrive. (Tomassone) (*Xảy ra một bất hạnh*)

Il passe deux trains le matin. (Ibid.)
(*Có hai chuyến tàu mỗi sáng*)

Mặt khác chủ ngữ này không thể là đại từ nhân xưng, bởi vì ta không thể nói “*il est entré lui dans le café*”

- Đặc điểm thứ hai liên quan đến các động từ: các động từ trong câu nhân xưng không thể là một nội động từ. Ví dụ: “*Julien a filtré la liqueur*” (Ibid.) (*Julien đã bỏ rượu*) không thể chuyển thành câu vô nhân xưng “*il a filtré Julien la liqueur*” (Ibid.) Hơn nữa, một số động từ phản thân có thể dùng trong các cấu trúc vô nhân xưng.

Ví dụ: *Dix ans se sont passés avant que nous ayons pu nous revoir* → *Il s’est passé dix ans...* (Tomassone)

(*Mười năm đã trôi qua trước khi chúng ta có thể gặp lại nhau*)

- Thứ ba, vô nhân xưng bị động cũng được xem là một cấu trúc vô nhân xưng bởi vì đây là một kiểu cấu trúc không bắt buộc và có nhiều cách dùng.

Ví dụ: - *Il a été dit bien des bêtises.* (Tomassone) (*Thực sự đã nói ra nhiều điều ngu ngốc*)

- *Il s’est dit bien des bêtises.* (Ibid) (*Thực sự đã nói ra nhiều điều ngu ngốc*)

- *Bien des bêtises ont été dites.* (Ibid) (*Nhiều điều ngu ngốc đã được nói ra*)

Như vậy, vô nhân xưng bị động có thể được diễn đạt bằng các cấu trúc “être + quá khứ phân từ” và bằng hình thức phản thân (động từ có se). Tuy nhiên, vô nhân

xung bị động là một kiểu bị động không hoàn chỉnh vì nó không có tác nhân hoặc phần đề không xác định.

Chúng tôi vừa điếm qua cách phân loại câu vô nhân xưng của bốn tác giả Béchade,

Van Peteghem, Maingueneau và Tomassone. Để có một cái nhìn tổng quát về cách phân loại câu vô nhân xưng của các tác giả này, chúng tôi tổng hợp trong bảng tóm tắt sau đây:

Bảng tổng hợp các kiểu câu vô nhân xưng trong tiếng Pháp

Tác giả	Số kiểu câu	Các kiểu câu vô nhân xưng
Béchade	2	1. Động từ vô nhân xưng thuần túy 1.1. Động từ chỉ các hiện tượng thời tiết 1.2. Động từ diễn tả các ý trừu tượng 2. Động từ + quán ngữ dùng ở vô nhân xưng (vô nhân xưng lâm thời) 2.1. Il + ĐT + DT/ đại từ/động từ nguyên mẫu/ que 2.2. Il + être + tính từ + de/ que 2.3. Il + faire + tính từ
Van Peteghem	4	1. Il + động từ chỉ thời tiết 2. Il + ĐT opérateur^(*) + nguyên mẫu/ mệnh đề (falloir, valoir, arriver, sembler, etc...) <i>(*) các động từ có bổ ngữ là một động từ nguyên thể hay một mệnh đề bổ ngữ</i> 3. Il + nội động từ + ngữ ĐT 4. Il est + nội động từ trực tiếp và gián tiếp
Maingueneau	3	1. Loại thứ nhất: ĐT vô nhân xưng 1.1. Động từ và quán ngữ chỉ thời tiết 1.2. Il + ĐT vô nhân xưng (có bổ ngữ bắt buộc) + ngữ ĐT/ nguyên mẫu/mệnh đề bổ ngữ 2. Loại thứ hai: Cấu trúc vô nhân xưng bị động và phản thân 2.1. Il + être + quá khứ phân từ 2.2. Il + ĐT phản thân 3. Loại thứ ba: 3.1. Il + nội ĐT inaccusatifs/ inergatifs/hoặc ngoại ĐT 3.2. Il + ngoại động từ (Điều kiện: chủ ngữ không xác định, không có bổ ngữ trực tiếp, có từ chỉ hoàn cảnh) 3.3. Il + être + ngữ tính từ + câu (phrase)

Tác giả	Số kiểu câu	Các kiểu câu vô nhân xưng
Tomassone	2	1. Động từ vô nhân xưng 1.1. Il + ĐT chỉ thời tiết 1.2. Il + ĐT vô nhân xưng có bổ ngữ bắt buộc (một hoặc nhiều nhóm không thể thay đổi vị trí: un ou plusieurs groupes non déplaçables) - Il + ĐT + nguyên mẫu/ mệnh đề - Il + être + tính từ - Il + ĐT + bổ ngữ 2. Các cấu trúc vô nhân xưng 2.1. Il + ngoại ĐT 2.2. Vô nhân xưng bị động - Il + être + quá khứ phân từ - Il + động từ phản thân

Từ bảng tổng hợp trên, chúng ta có thể thấy cả bốn tác giả đều thống nhất về các điểm cơ bản trong cách phân loại câu vô nhân xưng. Tuy nhiên, vẫn có một số điểm khác biệt trong cách gọi tên chủ ngữ “il”, hay trong cách xác định bản chất của đại từ này, cũng như việc phân biệt giữa câu vô nhân xưng và cấu trúc vô nhân xưng.

Cả Béchade, Maingueneau và Van Peteghem đều đồng ý với khái niệm “chủ ngữ thực” và “chủ ngữ hình thức”, trong khi đó Tomassone lại không hề đề cập đến các khái niệm này. Tuy nhiên, theo chúng tôi quan điểm của Maingueneau về các khái niệm này là đáng chú ý nhất. Theo tác giả này, chủ ngữ “il” trong trường hợp đi kèm với các động từ chỉ thời tiết sẽ chỉ một “một chủ thể hành động không xác định” (actant indéterminant). Còn Béchade và Van Peteghem lại cho rằng “il” không đại diện cho bất kỳ một tác nhân nào (aucun agent). Trong khi đó, như chúng ta biết, cho đến nay cơ chế sản

sinh ra các hiện tượng thời tiết vẫn chưa được biết đến một cách đầy đủ. Điều này cho thấy rằng việc sử dụng thuật ngữ “chủ thể hành động không xác định” của Maingueneau để nói về chủ ngữ “il” hoàn toàn phù hợp với thực tế khoa học và như vậy sẽ thích hợp hơn so với thuật ngữ “không có tác nhân” của Béchade và Van Peteghem.

Nếu như Van Peteghem đề nghị phân biệt các loại vô nhân xưng dựa trên các hiện tượng ngôn ngữ để giúp người học ngoại ngữ lĩnh hội dễ dàng hơn, thì Béchade, Maingueneau và Tomassone lại phân biệt các loại câu hay cấu trúc dựa trên bản chất của động từ (động từ vô nhân xưng thuần túy và vô nhân xưng lâm thời). Tuy nhiên trong thực tế, đối với các trường hợp tu từ, động từ vô nhân xưng thuần túy cũng có thể được chia ở một ngôi khác ngoài ngôi “il” vô nhân xưng (*Eau, quand donc pleuvras -tu? - Baudelaire*).

Chúng tôi cũng nhận thấy rằng việc phân thành “câu vô nhân xưng” hay “cấu trúc vô nhân xưng” thay đổi tùy theo quan niệm của mỗi tác giả. Béchade cho rằng cấu trúc vô nhân xưng giới hạn ở các trường hợp động từ trong câu được sử dụng lâm thời ở dạng vô nhân xưng, thì ngược lại, Maingueneau gọi tất cả các loại vô nhân xưng là cấu trúc vô nhân xưng. Trong khi đó, Tomassone lại cho rằng cấu trúc vô nhân xưng là những câu có chứa động từ chỉ dùng được trong câu vô nhân xưng hoặc câu bị động vô nhân xưng, bởi vì câu bị động vô nhân xưng được xem là kiểu câu không bắt buộc và có thể có nhiều cách dùng khác. Chính từ sự khác biệt này, chúng tôi đề xuất loại bỏ khái niệm “cấu trúc vô nhân xưng” và không nhất thiết phải phân biệt giữa “động từ vô nhân xưng thuần túy” và “động từ vô nhân xưng lâm thời”. Chúng tôi cho rằng việc sử dụng thuật ngữ “câu vô nhân xưng” để nói về tất cả các kiểu câu vô nhân xưng sẽ phù hợp hơn, bởi vì trong thực tế “cấu trúc vô nhân xưng” hay “câu vô nhân xưng” trong tiếng Pháp về mặt hình thức đều thỏa mãn đầy đủ các điều kiện của một câu hoàn chỉnh, đó là có sự hiện diện của chủ ngữ và động từ vị ngữ.

Như vậy, sự khác biệt trong cách xác định bản chất của đại từ bất định “il”, trong cách phân biệt giữa “cấu trúc vô nhân xưng” và “câu vô nhân xưng”, trong cách phân loại câu vô nhân xưng dựa trên các đặc điểm ngữ pháp sẽ ít nhiều gây khó khăn cho người học ngoại ngữ, đặc biệt cho người Việt Nam học tiếng Pháp, bởi vì tiếng Việt chấp nhận các câu khuyết

chủ ngữ vì vậy không có hiện tượng “chủ ngữ giả” hay “chủ ngữ hình thức” một khi ngữ cảnh đã rõ. Với mục tiêu có thể giúp người học Việt Nam dễ dàng nắm vững cách dùng câu vô nhân xưng trong tiếng Pháp hơn, chúng tôi đề nghị sắp xếp lại cách phân loại câu vô nhân xưng của các tác giả nêu trên. Chúng tôi sẽ dựa trên cách phân loại của Van Peteghem là tác giả không phân biệt giữa động từ vô nhân xưng thuần túy và lâm thời và loại trừ khái niệm “cấu trúc vô nhân xưng”. Tuy nhiên, trong cách phân loại của tác giả này, các kiểu câu với “il + être + tính từ” và “il + être + ngoại ĐT” lại không được nhắc tới, trong khi chúng lại thường xuyên được sử dụng, vì vậy chúng tôi sẽ bổ sung các kiểu câu này vào các loại câu vô nhân xưng.

Chúng tôi cũng hướng đến việc lựa chọn các thuật ngữ thông dụng nhằm giúp người học dễ dàng ghi nhớ hơn, do đó chúng tôi sẽ chọn thuật ngữ “verbes à compléments obligatoires” (động từ có bổ ngữ bắt buộc) thay vì thuật ngữ “verbe opérateur” của Van Peteghem mặc dù cả hai thuật ngữ này đều có nghĩa như nhau. Chúng tôi cũng sử dụng các thuật ngữ dễ hiểu như “danh ngữ”, “nguyên mẫu” và “mệnh đề bổ ngữ” thay vì “nhóm không thể thay đổi vị trí” (groupes non déplaçable) như Tomassone đã dùng. Chúng tôi đề nghị phân loại các kiểu câu vô nhân xưng như dưới đây. Trong bảng phân loại này, chúng tôi sẽ giữ nguyên các thuật ngữ bằng tiếng Pháp để người học tiện theo dõi hơn.

Bảng phân loại các kiểu câu vô nhân xưng

1	Il + verbes ou locutions météorologiques <i>Ex: Il neige/ Il fait beau</i>
2	Il + verbes impersonnels à compléments obligatoires + GN/infinitif/complétif <i>Ex: Il passe deux trains tous les jours/ Il faut partir/ Il me semble que tu n'es pas honnête.</i>
3	Il + verbes intransitifs + complément (sujet véritable du verbe) <i>Ex: Il arrive un malheur.</i>
4	Il + verbe transitif <i>Ex: Il mangeait souvent des ouvriers dans ce café</i>
5	Il + être + adjectif <i>Ex: Il est impossible de faire cinquante choses à la fois.</i>
6	Il + être + PP / Il + verbe pronominal <i>Ex: Il a été dit bien des bêtises. / Il s'est dit bien des bêtises.</i>

3. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi đã trình bày quan điểm của bốn tác giả đương đại Pháp về câu vô nhân xưng, từ đó rút ra kết luận cho giả thuyết nghiên cứu đã nêu đó là:

- Thứ nhất, “câu vô nhân xưng” hay “cấu trúc vô nhân xưng” đều có thể gọi chung là “câu vô nhân xưng”, vì bản thân “cấu trúc vô nhân xưng” có chứa chủ ngữ và động từ vị ngữ, thỏa mãn điều kiện của một câu hoàn chỉnh. Việc thống nhất về cách gọi tên này, sẽ giúp cho người học tránh khỏi lúng túng khi phân biệt như thế nào là “câu vô nhân xưng” hay “cấu trúc vô nhân xưng”.

- Thứ hai, việc phân loại câu vô nhân xưng không nhất quán theo quan điểm của các tác giả, chính vì vậy chúng tôi đã sắp xếp lại câu vô nhân xưng dựa trên cách phân loại của Van Peteghem là tác giả không phân biệt giữa động từ vô nhân xưng thuần túy và lâm thời theo bảng phân loại đã nêu trên, đồng thời lựa chọn những thuật ngữ dễ hiểu nhằm giúp người

học Việt Nam dễ dàng nắm vững cách dùng câu vô nhân xưng trong tiếng Pháp hơn.

Chúng tôi hy vọng rằng việc hệ thống hóa và sắp xếp lại cách phân loại câu vô nhân xưng như trên sẽ góp phần giúp cho người học tiếng Pháp, đặc biệt là người học Việt Nam hiểu kỹ hơn về loại câu này, từ đó tự tin hơn trong việc sử dụng chúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Béchade, H., *Syntaxe du français moderne et contemporain*, PUF, 1993.
2. Flament-Boistrancourt, D., *Théories, données et pratiques en français langue étrangère*, Presses Univ. Septentrion, 1994.
3. Maingueneau, D., *Syntaxe du français*, Hachette, 1999.
4. Tomassone, R., *Pour enseigner la grammaire*, Delagrave, 2002.
5. Dubois, J., *Dictionnaire de linguistique et des sciences du langage*, Larousse, 1994.
6. Gavalda A., *Je l'aimais, Le Dilettante*, 2002.
7. Mauriac F., *Le mystère Frontenac*, bản dịch của Dương Linh, Tủ sách song ngữ, Nhà xuất bản Thế giới, 1999.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 16/11/2017, duyệt đăng ngày 14/6/2018)